

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 25/2024/DS-ST

Ngày 31 - 12 - 2024

“V/v tranh chấp kiện đòi tài
sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trần Thị Hồng Quý

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Ngọc

Bà Trần Thị Bích Hằng

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung- Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Bà
Đàm Minh Phương - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân huyện T đưa ra xét
xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 59/2024/TLST-DS ngày 17
tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024,
giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1964; địa chỉ: Số B, Hẻm
D, Ngách B, Ngõ E T, tổ B, phường M, quận C, thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn S1, sinh năm 1957; bà Lãng Thị L, sinh năm
1957; cùng địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, ông
Trần Văn S1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L có mặt.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1955; địa chỉ:
thôn T, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà
Hoàng Thị S trình bày:

Thông qua ông Nguyễn Huy T là bạn của chồng bà S hỏi có tiền cho
ông S1 (họ hàng với ông T) vay. Do có tiền gửi tại Ngân hàng nên bà đã
đồng ý cho vay. Tại nhà bà S tại Hà Nội, bà S đã cho vợ chồng ông S1 bà L

vay số tiền 500.000.000đ và có cầm giữ của ông S1 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà ông S1 và ông T, thỏa luận lãi suất 2,5%/1 tháng, thời gian vay là 08 tháng sẽ trả tiền. Sau nhiều lần đòi thì đến năm 2018 ông S1 mới trả cho bà S số tiền 400.000.000đ tiền gốc, còn nợ lại 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Tại thời điểm trả tiền ông S1 đang bị ốm nặng, bị tai biến nên không có tiền để trả hết cho bà S, nên hai bên đã thống nhất viết giấy nhận nợ lại số tiền 100.000.000đ ở phòng riêng của ông S1 và bà L tại Nhà hàng V thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt cả ông Nguyễn Huy T chứng kiến. Ngày 16/03/2018 bà L viết giấy có mặt cả ông S1 nhưng ông Sáu Ó không ký mà chỉ có bà L ký viết giấy, ký tên của bà L và ký cả tên và viết tên ông S1 vào giấy vay tiền, hẹn đến ngày 30 tháng giêng năm 2019 thì sẽ trả cho bà S, khoản vay này không có thỏa thuận lãi suất. Sau năm 2019 bà S có đòi rất nhiều lần nhưng ông S1 và bà L không trả. Bà S khởi kiện yêu cầu ông S1 bà L trả số tiền 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) bà S không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Bị đơn ông Trần Văn S1 và bà Lăng Thị L thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông S1 là họ hàng với ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1955 ở thôn T, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Ông T là bạn bộ đội của chồng bà S (chồng bà S là Nguyễn Hữu T1 đã chết). Vào khoảng năm 2012-2013 do cần vốn làm ăn thông qua ông T giới thiệu, vợ chồng ông S1 có vay tiền của bà S, số tiền vay thì có thỏa thuận lãi suất là 3000đ/1triệu/1ngày. Bà S có yêu cầu phải có tài sản thế chấp, nên ông S1 có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S1 và của ông Nguyễn Huy T cho bà S cầm. Việc vay số tiền là 500.000.000đồng đúng như bà S đã trình bày, hàng năm vợ chồng ông S1 bà L đã thanh toán tiền lãi đầy đủ hàng năm cho bà S. Ngày 16/3/2018 bà S lên lấy tiền gốc tiền và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang cầm. Số tiền 100.000.000đồng là tiền lãi còn lại chưa trả được hết vẫn là lãi của số tiền vay 3000đ/1 ngày/1 triệu đồng. Ông S1 bà L có xin nhưng bà S yêu cầu viết giấy, bà L đã viết giấy nhận nợ đối với bà S đúng là giấy vay tiền bà S trình bày trước tòa án. Bà S khởi kiện yêu cầu trả số tiền 100.000.000 đồng ông S1 bà L không có để trả ngay đề nghị bà S miễn, bởi đây là tiền lãi.

Người làm chứng ông Nguyễn Huy T trình bày: Về mối quan hệ giữa các bên thống nhất đúng như nguyên đơn, bị đơn đã trình bày. Ông S1 bà L có vay tiền của bà S và ông đã cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà ông để làm tin tưởng giữa hai bên. Ông S1 đã trả tiền cho bà S và ông đã được lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mượn, ông có được biết hai bên trả tiền và viết giấy vay tiền lại cho nhau, còn cụ thể việc

trả tiền, viết giấy nợ 100.000.000đồng ông không được chứng kiến. Sau đó ông T có nghe ông S1 nói là tiền lãi chưa trả được. Cả nguyên đơn, bị đơn ông đều là người giới thiệu họ với nhau và không có mâu thuẫn với ai, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đối với khoản tiền vay bà S khởi kiện đối với ông S1 và bà L, ông không có liên quan gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 164, 166, 365, 463, 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Trần Văn S1 và bà Lăng Thị L trả cho bà Hoàng Thị S số tiền 100.000.000đồng. Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Hoàng Thị S có đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản do bà cho ông Trần Văn S1 và bà Lăng Thị L vay tiền nên bà S có quyền yêu cầu ông S1 và bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên xác định đây là vụ án “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”.

Bị đơn là ông Trần Văn S1 và bà Lăng Thị L có địa chỉ tại tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Tam Đảo theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Bà S đề nghị ông S1 và bà L trả số tiền 100.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 16/3/2018, hạn ngày trả là 30 tháng giêng năm 2019. Bà S yêu cầu thanh toán số tiền 100.000.000đồng theo như giấy vay tiền, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp kiện đòi lại tài sản nên không áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Theo đơn yêu cầu khởi kiện và giấy vay tiền ngày 16/3/2018 (tức ngày 30 tháng giêng năm 2018) thể hiện: Ông Trần Văn S1 và bà Lăng Thị L có vay của bà S số tiền 100.000.000 đồng, khoản vay này không có lãi xuất, ngày trả 30 tháng giêng năm 2019. Bà S đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng ông S1 và bà L không trả số tiền trên.

[2.2] Ông S1 bà B L thừa nhận trước đó có vay tiền của bà S số tiền 500.000.000đồng có lãi suất là 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Đã trả gốc và lãi nhiều lần và còn nợ lại số tiền lãi chưa thanh toán là 100.000.000 đồng, ông, bà có xin miễn nhưng bà S không nhất trí nên đã viết giấy vay tiền ngày 16 tháng 3 năm 2018. Đây thực chất là số tiền lãi nặng chưa thanh toán, không phải là tiền vay. Thời điểm viết giấy bà S có yêu cầu viết và nói bao giờ trả thì trả, bà L xác nhận có vay có trả và đề nghị được trả dần, mỗi năm trả một ít, còn yêu cầu phải trả ngay bà không đồng ý.

[2.3] Đối với mâu thuẫn về số tiền vay là tiền gốc hay tiền lãi. Tòa án đã tiến hành đối chất giữa các đương sự: Số tiền 100.000.000đồng bà S cho rằng tiền gốc xuất phát từ việc cho vay số tiền 500.000.000đ và có cầm của ông S1 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà ông S1 và ông T. Sau nhiều lần đòi thì đến năm 2018 ông S1 mới trả tiền cho bà S số tiền 400.000.000đ, còn nợ lại 100.000.000đ đều là tiền gốc. Tại thời điểm trả tiền ông S1 đang bị ốm, bị tai biến nên không có tiền để trả hết cho bà S, nên hai bên đã thống nhất viết giấy nhận nợ lại số tiền 100.000.000đ ở phòng riêng của ông S1 và bà L tại Nhà hàng V thuộc, thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt cả ông Nguyễn Huy T chứng kiến. Ngày 16/03/2018 bà L viết giấy có mặt cả ông S1 nhưng ông Sáu Ó không ký mà chỉ có bà L ký viết giấy, ký tên của bà L và ký cả tên và viết tên ông S1 vào giấy vay tiền, hẹn đến ngày 30 tháng giêng năm 2019 thì sẽ trả cho bà S. Đối với bà L ông S1 thừa nhận có khoản vay 100.000.000 đồng nhưng là tiền lãi. Ngoài giấy vay tiền bà S xuất trình thì ông S1 bà L không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện đây là khoản tiền lãi, xác định có vay có trả nhưng hiện tại không có tiền để trả, đề nghị bà S cho miễn khoản tiền này vì đã trả lãi nhiều, hoặc để cho trả dần mỗi năm 25.000.000đồng cho đến khi hết khoản vay trên.

Do vậy không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện là tiền lãi của việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như lời trình bày của bà L ông S1. Hơn nữa ông S1 bà L đều thừa nhận có viết giấy vay tiền bà S, số tiền này là bà L tự viết giấy có mặt ông S1 nhưng ông S1 không ký. Bà L thừa nhận giấy vay tiền do bà tự viết tự ký tên mình và ông S1. Các đương sự không có ai có đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông S1. Ông S1 đề nghị bà L viết giấy với bà S thì hai bà giải quyết với nhau và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đối với lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Huy T các bên đều thừa nhận đúng sự thật.

[2.4] Căn cứ vào giấy vay tiền trình bày của các bên thống nhất xác nhận: Ông Sáu bà L1 có vay tiền của bà S trước đó, đã thực hiện việc trả tiền

và tài sản cho nhau, thống nhất thỏa thuận viết giấy vay tiền ngày 16/3/2018 thể hiện ông S1 và bà L1 có vay bà S số tiền 100.000.000đồng. Bà S yêu cầu trả số tiền trên và không yêu cầu tính lãi. Nên cần buộc ông S1 bà L1 phải có trách nhiệm trả cho bà S số tiền 100.000.000đồng.

[3] Về án phí: Các đương sự đều trên 60 tuổi, đều có đơn xin được miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các đương sự được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Áp dụng các Điều 164, 166, 365, 463, 466 Bộ luật dân sự; điểm đ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Buộc ông Trần Văn S1 và bà Lăng Thị L phải trả bà Hoàng Thị S số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

[2] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (10%/năm).

[3] “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

[4] Về án phí: Các đương sự được miễn toàn bộ tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng Quý

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng Quý